

Uông Bí, ngày 1 tháng 4 năm 2021

I. Phần đọc hiểu

1. Đơn vị kiến thức, kĩ năng:

- Truyện hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX; truyện hiện đại nước ngoài.
- Kịch hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX.
- Văn bản nghị luận hiện đại.

(Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)

2. Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá

2.1. Truyện hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX; truyện hiện đại nước ngoài.

Nhận biết:

- Xác định được đề tài, cốt truyện, chi tiết, sự việc tiêu biểu.
- Nhận diện phương thức biểu đạt, ngôi kể, hệ thống nhân vật, biện pháp nghệ thuật,... của văn bản/đoạn trích.

Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: chủ đề tư tưởng, ý nghĩa của các chi tiết, sự việc tiêu biểu, ý nghĩa của hình tượng nhân vật, nghệ thuật trần thuật, bút pháp nghệ thuật,...

- Hiểu một số đặc điểm của truyện ngắn hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX, truyện hiện đại nước ngoài được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.

Vận dụng:

- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích truyện ngắn hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX, truyện hiện đại nước ngoài.
- Bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích.
- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.

2.2. Kịch hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX

Nhận biết:

- Nhận diện về nhân vật, hành động kịch, xung đột kịch,... trong văn bản/đoạn trích.

Thông hiểu:

- Hiểu được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: tư tưởng tác giả, cách tạo mâu thuẫn và xung đột kịch, ngôn ngữ kịch,...

- Hiểu được số đặc điểm của kịch hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX thể hiện trong văn bản/đoạn trích.

Vận dụng:

- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích.
- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.

2.3. Văn bản nghị luận hiện đại

Nhận biết:

- Xác định thông tin được nêu trong văn bản/đoạn trích.
- Nhận diện phương thức biểu đạt, thao tác lập luận, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ,...

Thông hiểu:

- Hiểu được nội dung của văn bản/đoạn trích. - Hiểu được cách triển khai lập luận, ngôn ngữ biểu đạt, giá trị các biện pháp tu từ của văn bản/đoạn trích.

- Hiểu một số đặc điểm của nghị luận hiện đại.

Vận dụng:

- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích.

- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân.

II. Phần làm văn - nghị luận xã hội

1. Viết đoạn văn nghị luận về một tư tưởng đạo lí

1.1 Nội dung kiến thức/Kĩ năng: viết đoạn văn nghị luận xã hội về một tư tưởng đạo lí (khoảng 150 chữ)

1.2. Mức độ kiến thức cần kiểm tra đánh giá

Nhận biết:

- Xác định được tư tưởng đạo lí cần bàn luận.

- Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.

Thông hiểu:

- Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng đạo lí.

Vận dụng:

- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng đạo lí.

Vận dụng cao:

- Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đạo lí.

- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục.

2. Viết đoạn văn nghị luận về một hiện tượng đời sống

2.1 Nội dung kiến thức/Kĩ năng: viết đoạn văn nghị luận về một hiện tượng đời sống (khoảng 150 chữ)

2.2 Mức độ kiến thức cần kiểm tra đánh giá

Nhận biết:

- Nhận diện hiện tượng đời sống cần nghị luận.

- Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.

Thông hiểu:

- Hiểu được thực trạng/nguyên nhân/ các mặt lợi - hại, đúng - sai của hiện tượng đời sống.

Vận dụng:

- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về hiện tượng đời sống.

Vận dụng cao:

- Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống.

- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục.

III. Phần làm văn - nghị luận văn học

Kiểu bài nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi.

1. Nội dung kiến thức kĩ năng: Viết bài văn nghị luận văn học

2. Đơn vị kiến thức kĩ năng

* Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi:

- *Vợ chồng A Phủ* (trích) của Tô Hoài

- *Vợ nhặt* của Kim Lân

- *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành

- *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi

- *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu

- *Số phận con người* (trích) của M.Sô-lô-khốp

- *Ông già và biển cả* (trích) của Ô.Hê-minh-uê

* Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích kịch: *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (trích) của Lưu Quang Vũ

* Nghị luận về một đoạn trích/tác phẩm văn nghị luận: *Nhìn về vốn văn hóa dân tộc* của Trần Đình Hượu

3. Mức độ kiến thức cần kiểm tra đánh giá

3.1. Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi:

Nhận biết:

- Xác định kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận.
- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.
- Nhớ được cốt truyện, nhân vật; xác định được chi tiết, sự việc tiêu biểu,...

Thông hiểu

- Diễn giải về giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của truyện hiện đại: vấn đề số phận con người, cảm hứng anh hùng ca và cảm hứng thế sự, tình yêu quê hương đất nước; nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, bút pháp trần thuật mới mẻ.

- Lí giải một số đặc điểm cơ bản của truyện hiện đại Việt Nam, truyện nước ngoài được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.

Vận dụng

- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của truyện hiện đại Việt Nam, truyện hiện đại nước ngoài.

- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả.

Vận dụng cao

- So sánh với các tác phẩm khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.

- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục.

*** Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích kịch:**

Nhận biết:

- Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận.
- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.
- Nhận diện nhân vật, hành động kịch, xung đột kịch,... trong đoạn trích.

Thông hiểu:

- Diễn giải về giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của đoạn trích *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*: sự chiến thắng của lương tâm, đạo đức đối với bản năng; đặc sắc trong ngôn ngữ đối thoại, xung đột, ngôn ngữ,...

- Lí giải một số đặc điểm cơ bản của kịch hiện đại Việt Nam, được thể hiện trong đoạn trích.

Vận dụng:

- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để thể hiện cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của kịch hiện đại.

- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả.

Vận dụng cao:

- So sánh với các tác phẩm khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.

- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục.

*** Nghị luận về một đoạn trích/tác phẩm văn nghị luận:**

Nhận biết:

- Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận.
- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích.
- Xác định nội dung chính của văn bản/đoạn trích.

Thông hiểu:

- Diễn giải được quan điểm của tác giả về những nét đặc trưng của văn hóa dân tộc – cơ sở để xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Lí giải được một số đặc điểm cơ bản của nghị luận hiện đại được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.

Vận dụng:

- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích nội dung, nghệ thuật của của đoạn trích/văn bản nghị luận.
- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích; vị trí và đóng góp của tác giả.

Vận dụng cao:

- So sánh với các tác phẩm khác, liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.
- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục.

IV. Ôn tập kiến thức phần văn học

Bài 1. Vợ chồng A Phủ - Tô Hoài

1. Tìm hiểu chung

a. Tác giả

Tô Hoài là một trong những nhà văn lớn của văn học Việt Nam hiện đại. Ông có vốn hiểu biết phong phú, sâu sắc về phong tục, tập quán của nhiều vùng khác nhau của đất nước.

b. Tác phẩm

Vợ chồng A Phủ (1952) là kết quả của chuyến đi cùng bộ đội giải phóng Tây Bắc, in trong tập Truyện Tây Bắc, được giải Nhất giải thưởng Hội Văn nghệ Việt Nam 1954-1955. Tác phẩm gồm hai phần, đoạn trích trong SGK là phần một.

2. Đọc- hiểu văn bản:

a. Nội dung

- Nhân vật Mị

+ Cuộc sống thống khổ: Mị là cô gái trẻ đẹp, yêu đời nhưng vì món nợ “truyền kiếp”, bị bắt làm “con dâu gạt nợ” nhà thống lí Pá Tra, bị đối xử tàn tệ, mất ý thức về cuộc sống (lời giới thiệu về Mị, công việc, không gian căn buồng của Mị,...)

+ Sức sống tiềm tàng và khát vọng hạnh phúc: Mùa xuân đến (thiên nhiên, tiếng sáo gọi bạn, bữa rượu,...), Mị đã thức tỉnh (kỉ niệm sống dậy, sống với tiếng sáo, ý thức về thời gian, thân phận,...) và muốn đi chơi (thả đèn, quần tóc,...). Khi A Sử trói vào cột, Mị “ như không biết mình đang bị trói”, vẫn thả hồn theo tiếng sáo.

+ Sức phản kháng mạnh mẽ: Lúc đầu, thấy A Phủ bị trói, Mị dửng dưng “ vô cảm”. Nhưng khi nhìn thấy “ dòng nước mắt chảy xuống hai hõm má đã xám đen lại: của A Phủ, Mị xúc động nhớ lại mình, đồng cảm với người, nhận ra tội ác của bọn thống trị. Tình thương, sự đồng cảm giai cấp, niềm khát khao tự do mãnh liệt, ... đã thôi thúc Mị cắt dây trói cứu A phủ và tự giải thoát cho cuộc đời mình.

- Nhân vật A Phủ

+ Số phận éo le, là nạn nhân của hủ tục lạc hậu và cường quyền phong kiến miền núi (mồ côi cha mẹ, lúc bé đi làm thuê hết nhà này đến nhà khác, lớn lên nghèo đến nỗi không lấy nổi vợ).

+ Phẩm chất tốt đẹp: có sức khỏe phi thường, dũng cảm; yêu tự do, yêu lao động; có sức sống tiềm tàng mãnh liệt...

- Giá trị tác phẩm:

+Giá trị hiện thực: miêu tả chân thực số phận cực khổ của người dân nghèo, phơi bày bản chất tàn bạo của giai cấp thống trị ở miền núi.

+Giá trị nhân đạo: thể hiện tình yêu thương, sự đồng cảm sâu sắc với thân phận đau khổ của người dân lao động miền núi trước Cách mạng; tố cáo, lên án, phơi bày bản chất xấu xa, tàn bạo của giai cấp thống trị; trân trọng và ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn, sức sống mãnh liệt và khả năng cách mạng của nhân dân Tây Bắc;...

b. Nghệ thuật

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật có nhiều điểm đặc sắc (A Phủ được miêu tả qua hành động, Mị chủ yếu khắc họa tâm tư,...)

- Trữ thuật uyển chuyển, linh hoạt; cách giới thiệu nhân vật đầy bất ngờ, tự nhiên mà ấn tượng; kể chuyện ngắn gọn, dẫn dắt tình tiết khéo léo.

-Biệt tài miêu tả thiên nhiên và phong tục, tập quán của người dân miền núi.

- Ngôn ngữ sinh động, chọn lọc và sáng tạo, câu văn giàu tính tạo hình và thấm đẫm chất thơ,...

c. Ý nghĩa văn bản

Tố cáo tội ác của bọn phong kiến, thực dân; thể hiện số phận đau khổ của người dân lao động miền núi; phản ánh con đường giải phóng và ngợi ca vẻ đẹp, sức sống tiềm tàng, mãnh liệt của họ.

Bài 2: Vợ nhặt – Kim Lân

1. Tìm hiểu chung

a. Tác giả

Kim Lân (1920-2007): thành công về đề tài nông thôn và người nông dân; có một số tác phẩm có giá trị về đề tài này.

b. Tác phẩm

Vợ nhặt (in trong tập *Con chó xấu xí*, 1962) được viết dựa trên một phần cốt truyện cũ của tiểu thuyết *Xóm ngụ cư*.

2. Đọc- hiểu văn bản:

a. Nội dung

- **Nhân vật Tràng** : là người lao động nghèo, tốt bụng và cởi mở (giữa lúc đói, anh sẵn lòng đãi người đàn bà xa lạ), luôn khát khao hạnh phúc và có ý thức xây dựng hạnh phúc. Câu nói đùa có vẻ với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về” đã ẩn chứa niềm khát khao tổ ấm gia đình và Tràng đã “liều” đưa người đàn bà xa lạ về nhà. Buổi sáng đầu tiên khi có vợ, thấy nhà cửa sạch sẽ, gọn gàng, Tràng cảm thấy yêu thương và gắn bó, có trách nhiệm với gia đình, nhận ra bản phận ohair lo lắng cho vợ con sau này. Anh cũng nghĩ tới sự thay đổi cho dù vẫn chưa có ý thức thật đầy đủ (hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng trên đê Sộp).

- **Người “vợ nhặt”**: là nạn nhân của nạn đói. Những xô đẩy dữ dội của hoàn cảnh đã khiến “thị” chao chát, thô tục và chấp nhận làm “vợ nhặt”. Tuy nhiên, sâu thẳm trong con

người này vẫn khát khao một mái ấm. “Thị” là một con người hoàn toàn khác khi trở thành người vợ trong gia đình.

- **Bà cụ Tứ** : một người mẹ nghèo khổ, rất mực thương con; một người phụ nữ Việt Nam nhân hậu, bao dung và giàu lòng vị tha; một con người lạc quan, có niềm tin vào tương lai, hạnh phúc tươi sáng.

Ba nhân vật có niềm khát khao sống và hạnh phúc, niềm tin và hi vọng vào tương lai tươi sáng ở cả những thời khắc khó khăn nhất, ranh giới mong manh giữa sự sống và cái chết. Qua các nhân vật, nhà văn muốn thể hiện tư tưởng: “ dù kề bên cái đói, cái chết, người ta vẫn khát khao hạnh phúc, vẫn hướng về ánh sáng, vẫn tin vào sự sống và vẫn hi vọng ở tương lai”.

b. Nghệ thuật

- Xây dựng tình huống truyện độc đáo: Tràng nghèo, xấu, lại là dân ngụ cư, giữa lúc đói khát nhất, khi cái chết đang cận kề lại “nhặt” được vợ, có vợ theo. Tình huống éo le này là đầu mối cho sự phát triển của truyện, tác động đến tâm trạng, hành động của các nhân vật và thể hiện chủ đề của truyện.

- Cách kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn; dựng cảnh sinh động, có nhiều chi tiết đặc sắc.

- Nhân vật được khắc họa sinh động, đối thoại hấp dẫn, ân tượng, thể hiện tâm lí tinh tế.

- Ngôn ngữ mộc mạc, giản dị nhưng chất lọc và giàu sức gợi.

c. Ý nghĩa văn bản

- Tố cáo tội ác của bọn thực dân phát xít đã gây ra nạn đói khủng khiếp năm 1945 và khẳng định: ngay trên bờ vực của cái chết, con người vẫn hướng về sự sống, tin tưởng ở tương lai, khát khao tổ ấm gia đình và yêu thương đùm bọc lẫn nhau.

Bài 3: Rừng xà nu – Nguyễn Trung Thành

1. Tìm hiểu chung

a. Tác giả

Nguyễn Trung Thành (bút danh khác là Nguyên Ngọc) là nhà văn trưởng thành trong hai cuộc kháng chiến, gắn bó mật thiết với mảnh đất Tây Nguyên.

b. Tác phẩm

Truyện ngắn RXN được viết năm 1965; đăng trên tạp chí *Văn nghệ Quân giải phóng Trung Trung Bộ* (số 2- 1965), sau đó được in trong tập *Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc*.

2. Đọc- hiểu văn bản:

a. Nội dung

- Hình tượng cây xà nu:

+ Cây xà nu đã trở thành một phần máu thịt trong đời sống vật chất và tinh thần của người dân làng Xô Man.

+ Cây xà nu tượng trưng cho phẩm chất và số phận của nhân dân Tây Nguyên trong chiến tranh cách mạng. Vẻ đẹp, những thương tích mà RXN phải gánh chịu, những đặc tính của xà nu,... là hiện thân cho vẻ đẹp, những mất mát đau thương, sự khao khát tự do và sức sống bất diệt của dân làng Xô Man nói riêng, đồng bào Tây Nguyên nói chung.

- Hình tượng nhân vật Tnú:

+ Tnú là người gan góc, dũng cảm, mưu trí.

+ Tnú là người có tính kỉ luật cao, tuyệt đối trung thành với cách mạng.

+ Tnú có một trái tim yêu thương và sự sôi sục căm thù giặc: sống rất nghĩa tình và luôn mang trong tim ba mối thù: thù của bản thân, thù của gia đình, thù của buôn làng.

+ Cuộc đời bi tráng và con đường đến với cách mạng của người dân Tây Nguyên, góp phần làm sáng tỏ chân lí của thời đại: dùng bạo lực cách mạng để tiêu diệt bạo lực phản cách mạng, đấu tranh vũ trang là con đường tất yếu để tự giải phóng.

- Hình tượng rừng xà nu và Tnú có mối quan hệ khăng khít, bổ sung cho nhau. RXN chỉ được giữ được màu xanh bất diệt khi có những con người biết hi sinh như Tnú; sự hi sinh của những con người như Tnú góp phần làm cho những cánh rừng mãi mãi xanh tươi.

b. Nghệ thuật

- Không khí, màu sắc đậm chất Tây Nguyên thể hiện ở bức tranh thiên nhiên; ở ngôn ngữ, tâm lí, hành động của các nhân vật.

- Xây dựng thành công các nhân vật vừa có nét cá tính sống động, vừa mang những phẩm chất có tính khái quát, tiêu biểu (cụ Mết, Tnú, Dít,..)

- Khắc họa thành công hình tượng cây xà nu- một sáng tạo nghệ thuật đặc sắc- tạo nên màu sắc sử thi và sự lãng mạn bay bổng cho thiên truyện.

- Lời văn giàu tính tạo hình, giàu nhạc điệu, khi thâm trầm, khi tha thiết, trang nghiêm,...

c. Ý nghĩa văn bản

Ngợi ca tinh thần bất khuất, sức mạnh quật khởi của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên nói riêng, đất nước, con người Việt Nam nói chung trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và khẳng định chân lí của thời đại: để gìn giữ sự sống của đất nước và nhân dân, không có cách nào khác là phải cùng nhau đứng lên cầm vũ khí chống lại kẻ thù.

Bài 4: Những đứa con trong gia đình – Nguyễn Thi

1. Tìm hiểu chung

a. Tác giả

Nguyễn Thi (1928-1968) là một trong những cây bút văn xuôi hàng đầu của văn nghệ giải phóng miền Nam thời kỳ chống Mỹ cứu nước. Ông gắn bó sâu sắc với nhân dân Nam Bộ và thực sự trở thành nhà văn của người nông dân Nam Bộ. Nguyễn Thi cũng là cây bút có năng lực phân tích tâm lý sắc sảo.

b. Tác phẩm

Những đứa con trong gia đình là một trong những tác phẩm xuất sắc nhất của Nguyễn Thi được sáng tác trong những ngày chiến đấu ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

2. Đọc- hiểu văn bản:

a. Nội dung

- Nhân vật chính:

+ **Việt:** là một thanh niên mới lớn, rất hồn nhiên (không sợ chết nhưng lại rất sợ ma, hay tranh giành với chị, đi chiến đấu vẫn mang súng cao su trong người,...); có một tình yêu thương gia đình sâu đậm, một tính cách anh hùng, tinh thần chiến đấu gan dạ, kiên cường. Trong anh có dòng máu của những con người gan góc, sẵn sàng hi sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc (còn nhỏ mà dám tấn công kẻ giết cha, xin đi tòng quân và chiến đấu rất dũng cảm,...)

+ **Chiến:** là cô gái mới lớn, tính khí vẫn còn nét trẻ con nhưng cũng là một người chị biết nhường em, biết lo toan, tháo vát; vừa có những điểm giống mẹ, vừa có những nét riêng. Chiến căm thù giặc sâu sắc, gan góc, dũng cảm, lập được nhiều chiến công.

- **Chiến và Việt** là hai “khúc sông” trong “ dòng sông truyền thống” của gia đình. Hai chị em là sự nối tiếp thế hệ của chú Năm và má, song lại mang dấu ấn riêng của thế hệ trẻ miền Nam thời kỳ chống Mỹ cứu nước.

b. Nghệ thuật

- Tình huống truyện: Việt-một chiến sĩ Quân giải phóng – bị thương phải nằm lại chiến trường. Truyện kể theo dòng nội tâm của Việt khi liên mạch (lúc tỉnh), khi gián đoạn (lúc ngất) của “ người trong cuộc” làm câu chuyện trở nên chân thật hơn; có thể thay đổi đối tượng, không gian, thời gian, đan xen tự sự và trữ tình.

- Chi tiết được chọn lọc vừa cụ thể vừa giàu ý nghĩa, gây ấn tượng mạnh. Ngôn ngữ bình dị, phong phú, giàu giá trị tạo hình và đậm sắc thái Nam Bộ.

- Giọng văn chân thật, tự nhiên, nhiều đoạn gây xúc động mạnh,...

c. Ý nghĩa văn bản

Qua câu chuyện về những con người trong một gia đình nông dân Nam Bộ có truyền thống yêu nước, căm thù giặc, thủy chung với quê hương, với cách mạng, nhà văn khẳng định: sự hòa quyện giữa tình cảm gia đình và tình yêu nước, giữa truyền thống gia đình và truyền thống dân tộc đã tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Bài 5: Chiếc thuyền ngoài xa – Nguyễn Minh Châu

1. Tìm hiểu chung

a. Tác giả

Nguyễn Minh Châu (1930-1989): trước năm 1975 là ngòi bút sử thi có thiên hướng trữ tình lãng mạn; từ đầu thập kỉ 80 của thế kỉ XX chuyển hẳn sang cảm hứng thế sự với những vấn đề đạo đức và triết lí nhân sinh, thuộc trong số những “ người mở đường tinh anh và tài năng” (Nguyễn Ngọc) nhất của văn học Việt Nam thời kì đổi mới.

b. Tác phẩm

Chiếc thuyền ngoài xa tiêu biểu cho xu hướng chung của văn học Việt Nam thời kì đổi mới: hướng nội, khai thác sâu sắc số phận cá nhân và thân phận con người trong cuộc sống đời thường.

2. Đọc- hiểu văn bản:

a. Nội dung

- Hai phát hiện của người nghệ sĩ nhiếp ảnh

+ **Một “cảnh đất trời cho”** là cảnh thuyền lưới vó ẩn hiện trong biển sớm mờ sương có pha đôi chút màu hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào... Với người nghệ sĩ, khung cảnh đó chứa đựng “chân lí của sự hoàn thiện”, làm dấy lên trong Phùng những xúc cảm thẩm mĩ, khiến tâm hồn anh như được gột rửa, thanh lọc.

+ **Một cảnh tượng phi thẩm mĩ** (một người đàn bà xấu xí, mệt mỏi; gã đàn ông to lớn, dữ dằn), phi nhân tính (người chồng đánh vợ một cách thô bạo, đưa con thương mẹ đã đánh lại cha,...) giống như trò đùa quái ác, làm Phùng “ngơ ngác” không tin vào mắt mình.

Qua hai phát hiện của người nghệ sĩ, nhà văn chỉ ra: cuộc đời chứa đựng nhiều nghịch lí, mâu thuẫn; không thể đánh giá con người, cuộc sống ở dáng vẻ bên ngoài mà phải đi sâu tìm hiểu, phát hiện bản chất bên trong.

- Câu chuyện của người đàn bà hàng chài ở tòa án huyện:

+ Đó là câu chuyện về cuộc đời nhiều bí ẩn và éo le của một người đàn bà hàng chài nghèo khó, lam lũ...

+ Câu chuyện đã giúp người nghệ sĩ Phùng hiểu về người đàn bà hàng chài (một phụ nữ nghèo khổ, nhẫn nhục, sống kín đáo, sâu sắc, thấu hiểu lẽ đời, có tâm hồn đẹp đẽ, giàu đức hi sinh và lòng vị tha); về người chồng của chị (“bất kể lúc nào thấy khổ quá” là lời vợ ra đánh); chánh án Đẩu (có lòng tốt, sẵn sàng bảo vệ công lí nhưng kinh nghiệm sống chưa nhiều) và về chính mình (sẵn sàng làm tất cả vì sự công bằng nhưng lại đơn giản trong cách nhìn nhận, suy nghĩ).

Qua câu chuyện về cuộc đời người đàn bà hàng chài và cách ứng xử của các nhân vật, nhà văn muốn gửi đến người đọc thông điệp: ***đừng nhìn cuộc đời, con người một cách đơn giản, phiến diện; phải đánh giá sự việc, hiện tượng trong các mối quan hệ đa diện, nhiều chiều.***

- **Tấm ảnh được lựa chọn trong “bộ lịch năm ấy”:**

+ Mỗi lần nhìn kĩ vào bức ảnh đen trắng, người nghệ sĩ thấy “hiện lên cái màu hồng hồng của ánh sương mai” (đó là chất thơ, vẻ đẹp lãng mạn của cuộc đời, cũng là biểu tượng của nghệ thuật). Và nếu nhìn lâu hơn, bao giờ anh cũng thấy “người đàn bà ấy đang bước ra khỏi tấm ảnh” (đó là hiện thân của những lam lũ, khôn khó, là sự thật cuộc đời)

+ Ý nghĩa: nghệ thuật chân chính không thể tách rời, thoát li cuộc sống. Nghệ thuật chính là cuộc đời và phải vì cuộc đời.

b. Nghệ thuật

- Tinh huống truyện độc đáo, có ý nghĩa khám phá, phát hiện về đời sống.

- Tác giả lựa chọn ngôi kể, điểm nhìn thích hợp, làm cho câu chuyện trở nên gần gũi, chân thực và có sức thuyết phục.

- Ngôn ngữ nhân vật sinh động, phù hợp với tính cách. Lời văn giản dị mà sâu sắc, đa nghĩa.

c. Ý nghĩa văn bản

Chiếc thuyền ngoài xa thể hiện chiêm nghiệm sâu sắc của nhà văn về cuộc đời và nghệ thuật: nghệ thuật chân chính phải luôn gắn với cuộc đời, vì cuộc đời; người nghệ sĩ cần phải nhìn nhận cuộc sống và con người một cách toàn diện, sâu sắc. Tác phẩm cũng rung lên hồi chuông báo động về tình trạng bạo lực trong gia đình và hậu quả khôn lường của nó.

Bài 6:

Hồn Trương Ba, da hàng thịt (Lưu Quang Vũ)

1. Tìm hiểu chung

a. Tác giả

- Lưu Quang Vũ (1948 – 1988) là một nghệ sĩ đa tài: làm thơ, vẽ tranh, viết truyện, viết tiểu luận,... nhưng thành công nhất là kịch. Ông là một trong những nhà soạn kịch tài năng nhất của nền văn học nghệ thuật Việt Nam hiện đại

- Lưu Quang Vũ được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 2000.

b. Tác phẩm

- Được viết 1981, đến 1984 mới ra mắt công chúng

- Là một trong những vở kịch đặc sắc nhất của Lưu Quang Vũ, được công diễn nhiều lần trên sân khấu trong và ngoài nước.

2. Đọc- hiểu văn bản:

a. Nội dung

a1. Cuộc đối thoại giữa hồn Trương Ba và xác anh hàng thịt

* Trước khi diễn ra cuộc đối thoại giữa hồn và xác, nhà viết kịch đã để cho hồn Trương Ba "ngồi ôm đầu một hồi lâu rồi vụt đứng dậy" với một lời độc thoại đầy khẩn thiết: "Không, không! Tôi không muốn sống như thế này mãi! Tôi chán cái chỗ ở không phải là của tôi lắm rồi! Cái thân kèn cồng, thô lỗ này, ta bắt đầu sợ mi, ta muốn rời xa mi tức khắc! Nếu cái hồn ta có hình thù riêng nhĩ, để nó tách ra khỏi cái xác này, dù chỉ một lát".

Rõ ràng hồn Trương Ba đang ở trong tâm trạng vô cùng bức bối, đau khổ. Những câu cảm thán ngắn, dồn dập cùng với cái ước nguyện khắc khoải của hồn đã nói lên điều đó. Hồn bức bối bởi không thể nào thoát ra khỏi thân xác mà hồn ghê tởm. Hồn đau khổ vì mình không còn là mình nữa. Trương Ba bây giờ đâu còn là một người làm vườn chăm chỉ, hết lòng thương yêu vợ con quan tâm tới hàng xóm láng giềng như ngày trước. Ông Trương Ba được mọi người kính trọng đã chết rồi. Trương Ba bây giờ vụng về, thô lỗ, phũ phàng lắm. Người đọc càng lúc càng thấy rõ điều đó qua các đối thoại và hồn Trương Ba cũng càng lúc càng rơi vào trạng thái đau khổ, tuyệt vọng.

* Trong cuộc đối thoại với xác anh hàng thịt, hồn Trương Ba ở vào thế đuối lí, bất lợi

- Xác đã đưa ra những bằng chứng mà hồn cũng phải thừa nhận:

+ Cái đêm khi ông đứng cạnh vợ anh hàng thịt với "tay chân run rẩy", "hơi thở nóng rực", "cổ nghẹn lại"

+ Đó là cảm giác "xao xuyến" trước những món ăn mà trước đây hồn cho là "phàm".

+ Đó là cái lần ông tát thẳng con "tóc máu mồm máu mũi",...

- Xác biết rõ những cố gắng của Trương Ba là vô ích nên đã cười nhạo cái lí lẽ mà hồn đưa ra để ngụy biện "Ta vẫn có một đời sống riêng: nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn, ...".

- Xác lên mặt dạy đời, chỉ trích, châm chọc: tuyên bố sức mạnh âm u, đui mù ghê gớm của mình.

- Xác còn ve vãn hồn thoả hiệp vì: "chẳng còn cách nào khác đâu", "cả hai đã hoà nhau làm một rồi"

- Trước những "lí lẽ đê tiện" của xác:

+ Ban đầu, hồn Trương Ba nổi giận, khinh bỉ, mắng xác thịt hèn hạ

+ Sau đó, hồn ngậm ngùi thấm thía nghịch cảnh của mình nên chỉ nói những lời thoại ngắn với giọng nhát gừng kèm theo những tiếng than, tiếng kêu.

+ Cuối cùng hồn đành phải nhập trở lại vào xác trong sự tuyệt vọng

*** Ý nghĩa của đoạn đối thoại**

- Trương Ba được trả lại cuộc sống nhưng lại là một cuộc sống đáng hổ thẹn vì phải sống chung với sự dung tục và bị sự dung tục đồng hoá.

- Tác giả cảnh báo: khi con người phải sống trong dung tục thì tất yếu sẽ bị dung tục ngự trị, lấn át và sẽ tàn phá những gì trong sạch, đẹp đẽ, cao quý trong con người.

a.2 Cuộc đối thoại giữa hồn Trương Ba với những người thân

*** Vợ Trương Ba**

- Buồn bã, đau khổ vì: "ông đâu còn là ông, đâu còn là ông Trương Ba làm vườn ngày xưa".

- Đòi bỏ đi, nhường Trương Ba cho vợ anh hàng thịt.

*** Con dâu Trương Ba**

- Thấu hiểu cho hoàn cảnh trở trêu của bố chồng: Chị biết ông "khổ hơn xưa nhiều lắm".

- Nhưng nỗi buồn đau trước tình cảnh gia đình khiến chị không thể chịu được: "Thầy bảo con: Cái bên ngoài là không đáng kể, chỉ có cái bên trong, nhưng ... mỗi ngày thầy một đổi khác dần, mát mát dần..."

* **Cháu gái Trương Ba:** phản ứng quyết liệt và dữ dội

- Nó khước từ tình thân: *"tôi không phải là cháu ông... Ông nội tôi chết rồi"*.

- Nó không thể chấp nhận con người đã làm "gãy tiết cái chồi non", "giẫm lên nát cả cây sâm quý mới ươm" trong mảnh vườn của ông nội nó.

- Nó hận vì ông đã làm gãy nát cái điều khiến cu Tị trong cơn sốt mê man cứ khóc, cứ tiếc, cứ bắt đền.

- Với nó, *"Ông nội đời nào thô lỗ, phũ phàng như vậy"*. Nó xua đuổi quyết liệt: *"Ông xấu lắm, ác lắm! Cút đi! Lão đồ tể, cút đi!"*.

Như vậy, trong con mắt những người thân, người chồng, người cha, người ông trong sạch, nhân hậu trước đây đã và đang thành một kẻ khác, với những thói hư tật xấu của một tên đồ tể thô lỗ, phàm tục.

* **Tâm trạng, cảm xúc của hồn Trương Ba**

- Ông đau khổ, tuyệt vọng khi vì ông mà tất cả những người thân phải đau đớn, bàng hoàng, bế tắc, vì ông mà nhà cửa tan hoang.

- Ông thần thờ, ôm đầu bế tắc, cầu cứu cháu gái, run rẩy trong nỗi đau, nhận thấy: *"Mày đã thắng thế rồi đấy, cái thân xác không phải của ta a..."*

- Đặt những câu hỏi mang tính tự vấn: *"Nhưng có thật là không còn cách nào khác? Có thật không còn cách nào khác?"*

- Khẳng định dứt khoát: *"Không cần đến cái đời sống do mày mang lại! Không cần!"*.

Chính Trương Ba cũng nhận thấy những thay đổi của mình nên đấu tranh quyết liệt để giành giật lại bản thân mình, dẫn tới hành động châm hương gọi Đế Thích.

a3. Cuộc đối thoại giữa hồn Trương Ba với Đế Thích

- Gặp lại Đế Thích, Trương Ba kiên quyết từ chối, không chấp nhận cảnh phải sống *"bên trong một đảng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn..."*

- Lúc đầu, Đế Thích ngạc nhiên, nhưng khi hiểu ra thì khuyên Trương Ba nên chấp nhận vì thế giới vốn không tròn vẹn: *"dưới đất, trên trời đều như thế cả"*

- Nhưng Trương Ba không chấp nhận lẽ đó, thẳng thắn chỉ ra sai lầm của Đế Thích: *"Ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống, nhưng sống như thế nào thì ông chẳng cần biết!"*

- Đế Thích định tiếp tục sửa sai bằng giải pháp ít tệ hại hơn là cho hồn Trương Ba nhập vào xác cu Tị.

- Nhưng Trương Ba kiên quyết chối từ, không chấp nhận cảnh sống giả tạo, cuộc sống mà *"khổ hơn là cái chết"*, chỉ có lợi cho đám chức sắc.

- Trương Ba kêu gọi Đế Thích hãy sửa sai bằng một việc làm đúng, đó là cho cu Tị được sống lại, còn mình được chết hẳn chứ không nhập hồn vào thân thể ai nữa. Đế Thích cuối cùng thuận theo lời đề nghị của Trương Ba.

Từ đoạn đối thoại, ta nhận thấy sự khác nhau trong quan niệm về sự sống giữa Trương Ba và Đế Thích:

+ Đế Thích có cái nhìn khá quan liêu, hời hợt.

+ Trương Ba cần cuộc sống có ý nghĩa, phải đúng là mình, hoà hợp toàn vẹn giữa linh hồn và thể xác.

Người đọc có thể nhận ra những ý nghĩa triết lí sâu sắc qua lượt lời thoại này:

+ Con người là một thể thống nhất, hồn và xác phải hài hòa. Không thể có một tâm hồn thanh cao trong một thân xác phàm tục, tội lỗi. Khi con người bị chi phối bởi những nhu cầu bản năng của thân xác thì đừng đổ tội cho thân xác, không thể tự an ủi, vỗ về mình bằng vẻ đẹp siêu hình của tâm hồn.

+ Sống thực sự cho ra con người không hề dễ dàng, đơn giản. Khi sống nhờ, sống chấp vá, không được là mình thì cuộc sống ấy thật vô nghĩa, sẽ gây tai họa cho nhiều người tốt, tạo cơ hội cho kẻ xấu sách nhiễu.

* Kết thúc vở kịch, hồn Trương Ba chấp nhận cái chết, một cái chết làm sáng bừng lên nhân cách đẹp đẽ của Trương Ba, thể hiện sự chiến thắng của cái thiện, cái đẹp và sự sống đích thực

b. Nghệ thuật

- Sáng tạo lại cốt truyện dân gian
- Những đoạn đối thoại được xây dựng giàu kịch tính, đậm chất triết lí, tạo chiều sâu cho vở kịch.

- Hành động của nhân vật phù hợp với hoàn cảnh, tính cách
- Những đoạn độc thoại nội tâm góp phần thể hiện rõ tính cách nhân vật và quan niệm về lẽ sống đúng đắn.

c. Ý nghĩa:

– Con người muốn có cuộc sống hạnh phúc cần phải có sự hài hoà giữa thể xác và linh hồn, giữa vật chất và tinh thần, được sống là chính mình.

– Cuộc sống chỉ thật sự có ý nghĩa khi con người tìm thấy tình yêu thương, sự sẻ chia của những người xung quanh, đặc biệt là những người thân yêu trong gia đình.

– Được sống là điều may mắn nhưng sống thế nào cho thật ý nghĩa mới là điều quan trọng,...

Bài 7:

Nhìn về vốn văn hóa dân tộc (Trần Đình Hượu)

1. Tìm hiểu chung

a. Tác giả

- Trần Đình Hượu(1926-1995) quê ở Võ Liệt-Thanh Chương-Nghệ An.
- Ông chuyên nghiên cứu các vấn đề lịch sử tư tưởng và văn học Việt Nam trung cận đại.
- Năm 2000 được tặng Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ.

b. Tác phẩm

- Thể loại: Nghị luận xã hội(văn bản thông dụng)
- Xuất xứ: Trích từ phần II, bài Về vấn đề tìm đặc sắc văn hóa dân tộc, in trong cuốn Đến hiện đại từ truyền thống.

2. Đọc- hiểu văn bản:

a. Nội dung

a1.Nêu và giới hạn vấn đề.

Ngắn gọn, khiêm tốn, đúng mực: một số nhận xét về vài ba mặt của cái vốn văn hóa dân tộc; không phải cái hình thành vào thời kì định hình mà là cái ổn định dần, tồn tại cho đến trước thời cận- hiện đại.

a2. Đặc điểm vốn văn hóa dân tộc.

*Luận điểm 1: “ Giữa các dân tộc, chúng ta không thể tự hào là nền văn hóa của chúng ta đồ sộ có những cống hiến lớn lao cho nhân loại, hay có những đặc sắc nổi bật”

Luận điểm mới mẻ khách quan mang tính khoa học được chứng minh bằng những luận cứ xác thực, thuyết phục: Thần thoại không phong phú

Tôn giáo, triết học không phát triển.

Không có một ngành khoa học kỹ thuật... phát triển đến thành có truyền thống
Nghệ thuật không phát triển đến tuyệt kỹ.

Yêu thơ nhưng không coi đó là sự nghiệp.

Chưa có ngành văn hóa nào trở thành đài danh dự thu hút, quy tụ cả nền văn hóa.

Nguyên nhân: Sự hạn chế của trình độ sản xuất, đời sống xã hội.

Văn hóa của dân nông nghiệp định cư.

Không có nhu cầu lưu chuyên, trao đổi, đô thị không được kích thích phát triển.

*Luận điểm 2: Trong lối sống, ứng xử: coi trọng cái hiện tại và tương lai

Ý thức về cá nhân và sở hữu không phát triển cao

Mong ước thái bình, an cư lạc nghiệp sống thanh nhàn no đủ, gia đình hạnh phúc, lối sống quân bình.

Con người được ưa chuộng là người hiền lành, tình nghĩa không chuộng trí, dũng; trọng văn nhưng không trọng võ.

Không ca tụng trí tuệ mà ca tụng sự khôn khéo

Đối với những cái mới không dễ hòa hợp nhưng cũng không cự tuyệt.

*Luận điểm 3: về cái đẹp: xinh, khéo, dịu dàng, thanh lịch, duyên dáng, vừa phải:

Không có cái tráng lệ huy hoàng, cái huyền ảo kì vĩ.

Giao tiếp hợp tình, hợp lí.

Ăn mặc nền nã, đơn giản.

Không thích sự phô trương thích sự hòa đồng.

Nguyên nhân: ý thức lâu đời về sự nhỏ yếu, thực tế nhiều khó khăn bất chắc do lịch sử, địa lí

Đó là những nét riêng trong vốn văn hóa Việt, vừa là những ưu điểm, đồng thời có những hạn chế cần khắc phục

*Luận điểm 4: về tinh thần chung của văn hóa Việt Nam:

Người Việt Nam sống có văn hóa.

Có nền văn hóa của mình.

Tinh thần chung của văn hóa Việt Nam là thiết thực, linh hoạt, dung hòa. Luận điểm quan trọng nhất là nét đặc sắc của văn hóa Việt Nam: tính nhân bản

a3. Con đường hình thành bản sắc dân tộc của văn hóa:

Sự tạo tác của chính dân tộc

Vai trò của quá trình tiếp biến các văn hóa tôn giáo Phật giáo, Nho giáo, Lão-Trang.

Sự dung hợp các tôn giáo du nhập vào Việt Nam.

Thể hiện bản lĩnh Việt Nam: không bị đồng hóa; tiếp nhận, tiếp biến và hỗn dung văn hóa.

c. Ý nghĩa:

Đoạn trích cho thấy một quan điểm đúng đắn về những nét đặc trưng của vốn văn hóa DT, là cơ sở để chúng ta suy nghĩ, tìm ra phương hướng xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc...

Bài 8:

Số phận con người (Sô-lô-khốp)

1. Tìm hiểu chung

a. Tác giả

- 1965 ông được tặng **giải thưởng Nôben** về văn học với tiểu thuyết *Sông*

*Đông êm
đêm*

- Sôlôkhốp là nhà văn hiện thực lớn của nền văn học Xô Viết cũng như nền văn học thế giới thế kỷ XX.

- Tác phẩm của ông phản ánh chân thực cuộc sống và con người Nga với những nét tính cách điển hình trong cả thời chiến và thời bình.

b. Tác phẩm

Từ một câu chuyện được nghe vào mùa xuân năm 1946, nhà văn Sô-lô-khốp đã viết truyện ngắn này. Số phận con người được in lần đầu ở Liên Xô trên hai số báo Sự thật ra ngày 31- 12-1956, ngày 1-1-1957.

2. Đọc- hiểu văn bản:

a. Nội dung

a1. Chiến tranh và thân phận con người:

*** Người lính Xô-cô-lốp với những đau đớn về thể xác và tinh thần dường như không thể nào vượt nổi:**

- Trong chiến tranh:

+ Bản thân bị thương, bị bắt làm tù binh.

+ Vợ, con gái và người con trai – niềm hi vọng cuối cùng của Xô-cô-lốp bị chết dưới bom đạn của phát xít.

- Chiến tranh kết thúc:

+ Anh không trở về quê hương vì anh đâu còn người thân thích

+ Anh đến nhà một người bạn ở U-riu-pin-xơ nương thân

+ Anh làm lái xe cho một đội vận tải

+ Tìm sự bình yên sau mỗi chuyến xe bằng những ly rượu lử người dù biết nó rất

nguy

hại

- Hoàn cảnh của Xô-cô-lốp bắt buộc anh phải đối mặt và phải duy trì sự sống, chấp nhận

mọi thách thức để sống, cần phải có ý chí và nghị lực để vượt qua thử thách khắc nghiệt của cuộc sống.

*** Bé Va-ni-a, một nạn nhân khác của chiến tranh:**

Chiến tranh đã cướp đi của em tất cả:

+ Cha chết trận

+ Mẹ chết bom

+ Không biết quê hương

+ Không người thân thích

+ Cuộc sống lang thang, vất vưởng, bản như ma lem, đầu tóc rối bù, ai cho gì ăn nấy, bạ đâu ngủ đó.

+ Con chim non nớt đã học cách thờ dãi của người lớn

a2. Nghị lực vượt qua số phận:

+ Xô- cô- lốp đã không để cuộc đời của mình và bé Va-ni-a chìm ngấm. Anh nhận bé Va-ni-a làm con nuôi và gọi con bằng một cái tên rất đỗi thân thương: Va- niu-ska.

+ Trái tim tưởng chừng như hoá đá của Xô-cô-lốp đã ngân rung trở lại.

+ Xô-cô-lốp rất hạnh phúc khi quyết định cứu mang bé Va-ni-a: anh run lên vì hạnh phúc, anh sung sướng trong tình cảm cha con, chăm lo cho bé va-ni-a từng cái ăn, cái mặc

đến giấc ngủ. Lần đầu tiên sau một thời gian khá dài anh thấy mình ngủ ngon, trái tim đã suy kiệt, đã bị chai sạn vì đau khổ nay trở nên êm dịu hơn

+ Còn bé Va-ni-a cậu bé như con chim chích riu rít, lú lo, vui với niềm vui của người cha mà chú bé luôn nghĩ là cha đẻ: “Bố yêu của con ơi!..con chờ mãi mới được gặp bố... Nó áp sát vào người tôi, toàn thân cứ run lên như ngọn cỏ trước gió”

+ Trong niềm vui hạnh phúc khi có bé Va-ni-a, Xô- cô- lớp lại phải đối mặt với những khó khăn của cuộc sống thường nhật. Ngay cả bữa ăn cũng không thể qua quýt được: phải mua sữa, phải luộc trứng, phải có đồ ăn nóng... mà công việc của Xô-cô-lốp lại cần gấp. Anh quyết định để bé Va-ni-a ở nhà và cậu bé khóc suốt từ sáng đến tối.

+ Những câu hỏi về chiếc áo bành tô da của cha đẻ Va-ni-a làm nhói lại ở Xô-cô-lốp nỗi đau về quá khứ của bé.

+ Trong niềm vui hạnh phúc khi có bé Va-ni-a, Xô- cô- lớp vẫn có nỗi khổ tâm riêng: hầu như đêm nào cũng chiêm bao thấy người thân quá cố, và lúc nào cũng thế, tôi ở bên này sau hàng rào dây thép gai, còn vợ con thì tự do bên kia và rồi khi tỉnh giấc, gôi đầm nước mắt. Xô- cô- lớp đã nén nỗi đau riêng để đem lại niềm vui trọn vẹn cho bé Vanina.

=> đề cao chủ nghĩa nhân đạo cao cả của người lính và người dân Xô Viết thời hậu chiến: long nhân hậu, vị tha, sự gắn kết giữa những cảnh đời bất hạnh và niềm hy vọng vào tương lai.

a3. Ý nghĩa lời trữ tình ngoại đề ở cuối tác phẩm

- Lên án chiến tranh phi nghĩa và sức mạnh phũ phàng của nó.

- Sự khâm phục và tin tưởng của nhà văn trước tính cách Nga kiên cường và nhân hậu

- Sô- lô- khốp thông báo trước muôn vàn khó khăn và trở ngại mà con người phải vượt qua trên con đường vươn tới tương lai và hạnh phúc. Ông tin tưởng rằng: Con người vượt qua bất hạnh bằng tình yêu thương và lòng nhân ái. Tác giả tin tưởng vào tương lai của nước Nga qua thế hệ của bé Va-ni-a.

- Xác nhận thêm quan điểm nghệ thuật của Sô-lô-khốp: nghệ sĩ không thể lạnh lùng khi sáng tạo. Trước số phận trớ trêu, bi thảm của con người, nhà văn cũng bất giác để lộ sự đồng cảm và nhân hậu của mình.

- Xã hội cần quan tâm hơn tới số phận của những người “đã chiến đấu vì tổ quốc”

b. Nghệ thuật

- Nghệ thuật kể chuyện: kết hợp giữa hình tượng nhân vật kể chuyện với người kể chuyện là tác giả.

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật: khắc họa tính cách, miêu tả tâm lý.

- Những lời trữ tình ngoại đề của người dẫn chuyện ở phần cuối tác phẩm gây xúc động lớn cho người đọc

c. Ý nghĩa văn bản

- *Số phận con người* tập trung khám phá nỗi bất hạnh của con người sau chiến tranh. Tuy viết về những đau thương, mất mát mà chiến tranh gây ra nhưng tác giả vẫn giữ vững niềm tin ở tính cách Nga kiên cường, nhân hậu.

Bài 9:

Ông già và biển cả (Trích – Hê-minh –uê)

1. Tìm hiểu chung

a. Tác giả

- Là người đề ra nguyên lí sáng tác: tác phẩm văn chương như một *tảng băng trôi*- **một phần nổi, bảy phần chìm**. Nhà văn nhấn mạnh vào yếu tố hàm súc, ngụ ý trong mạch ngầm văn bản, tạo ra được “ý tại ngôn ngoại” và khẳng định hiệu quả của cách viết ấy. Tác giả phải hiểu biết cặn kẽ những điều mình muốn viết, sau đó lược bỏ những chi tiết không cần thiết, giữ lại phần cốt lõi, sắp xếp lại để người đọc khi tiếp xúc với chúng vẫn có thể hiểu được những gì mà tác giả đã lược bỏ đi. Nhiệm vụ của người đọc tự tìm ý nghĩa, giá trị qua phần chìm của tảng băng, những hình tượng, hình ảnh... giàu tính tượng trưng, đa tầng nghĩa.

- Thống nhất trong ý đồ sáng tác: viết một áng văn xuôi trung thực giản dị về con người.

- Được nhận giải thưởng **Pu-lit-đơ** giải thưởng văn chương cao quý nhất của nước Mỹ.

- Nhận giải **Nô-ben** về văn chương.

- Nhà văn Mỹ vĩ đại nhất thế kỉ XX

b. Tác phẩm

Viết năm 1952, sau gần 10 năm sống ở Cu- ba. Bối cảnh câu chuyện là ngôi làng chài yên ả bên bến cảng La- ha- ba- na. Phu- en-tec một thủy thủ trên tàu được coi là nguyên mẫu của ông lão Xan-ti-a-gô.

2. Đọc- hiểu văn bản:

a. Nội dung

a1. Hình tượng con cá kiếm và ý nghĩa biểu tượng

- Rất lớn và đẹp
- Đầy sức mạnh
- Kiêu hùng, bất khuất.

=> Ý nghĩa biểu tượng: tượng trưng cho vẻ đẹp và sức mạnh của thiên nhiên; cho những trông gai thử thách của cuộc đời; cho ước mơ, sáng tạo của nghệ thuật; cho lí tưởng và hoài bão cao đẹp mà con người theo đuổi.

a2. Hình tượng ông lão đánh cá Xan-ti-a-gô

- Ông lão là người thạo nghề
- Ông có sức mạnh tinh thần của người chiến thắng:

+ Luôn có niềm tin vào bản thân

+ Có ý chí và nghị lực phi thường

- Là biểu tượng cho vẻ đẹp và sức mạnh của con người.

- Từ hình tượng ông lão đánh cá, toát lên bài học của thành công: Phải có trí tuệ và hiểu biết, tinh táo và nhẫn nại, có niềm tin, ý chí và nghị lực vượt qua thử thách.

b. Nghệ thuật

- Lối kể chuyện độc đáo, kết hợp nhuần nhuyễn giữa văn kể và lời văn miêu tả nhân vật, miêu tả đối thoại, độc thoại nội tâm.

- Khắc họa thành công chân dung nhân vật qua cảm giác, sử dụng ngôn ngữ kể và ngôn ngữ của nhân vật để khắc họa điều này.

- Cách viết giản dị nhiều chỗ tưởng như “lỏng” song kì thực lại rất chặt chẽ. Viết theo nguyên lí tảng băng trôi.

c. Ý nghĩa văn bản

Thông qua hình ảnh ông lão Xan-ti-a-gô quật cường, chiến thắng con cá kiếm, Hê-minh-uê gửi gắm một thông điệp: trong bất cứ hoàn cảnh nào “con người có thể bị huỷ diệt nhưng không thể đánh bại”.

V. Đề minh họa

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Cách nhìn và ý chí của từng người dẫn đến các ứng xử khác nhau trước sai lầm. Với người này, sai lầm để lại những bài học bổ ích, những kinh nghiệm quý giá. Với người khác, sai lầm lại trở thành vớ ớ để họ thu mình trong đó, không dám mạo hiểm lần nữa. Hãy biết chấp nhận sai lầm như một động lực để bạn tiếp tục phấn đấu [...].

[...] Con người thường mắc phải một trong hai loại sai lầm sau đây: một loại sai lầm do thiếu hiểu biết và một loại sai lầm do bất cẩn. Trong khi những sai lầm do thiếu hiểu biết có thể khắc phục bằng quyết tâm học hỏi không ngừng thì sai lầm do bất cẩn thường khiến con người trở nên yếu đuối và nhu nhược. Những người thường xuyên mắc phải loại sai lầm này luôn phải đối diện với thất bại vì họ đã lãng phí bầu nhiệt huyết và nguồn năng lượng của mình.

Một trong những điều tốt đẹp mà bạn có thể làm mỗi ngày là hãy nỗ lực hết mình, và không sợ phạm sai lầm. Đừng chối bỏ, cũng đừng thất vọng nếu bạn mắc phải một sai lầm nào đó.

(Trích Không gì là không thể - George Matthew Adams, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2018, tr. 119 - 120)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Theo đoạn trích, con người thường mắc phải những sai lầm nào?

Câu 3. Chỉ ra mối quan hệ giữa cách nhìn và ý chí với cách ứng xử trước sai lầm của con người được đề cập trong đoạn trích.

Câu 4. Lời khuyên *Hãy biết chấp nhận sai lầm như một động lực để bạn tiếp tục phấn đấu* trong đoạn trích có ý nghĩa gì với anh/chị?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về sự cần thiết phải sống là chính mình.

Câu 2 (5,0 điểm)

Phân tích tâm trạng và hành động của nhân vật người đàn bà hàng chài được nhà văn Nguyễn Minh Châu thể hiện trong đoạn trích sau:

Người đàn bà dường như lúc này mới cảm thấy đau đớn - vừa đau đớn vừa vô cùng xấu hổ, nhục nhã.

- Phác, con ơi!

Miếng máu gọi, người đàn bà ngồi xếp xuống trước mặt thằng bé, ôm chầm lấy nó rồi lại buông ra, chấp tay vái lấy vái để, rồi lại ôm chầm lấy. Thằng nhỏ đến lúc này vẫn chẳng hề hé răng, như một viên đạn bắn vào người đàn ông và bây giờ đang xuyên qua tâm hồn người đàn bà, làm rò xuống những dòng nước mắt, và cái thằng nhỏ, lặng lẽ đưa mấy ngón tay khẽ sờ trên khuôn mặt người mẹ, như muốn lau đi những giọt nước mắt chứa đầy trong những nốt rỗ chẳng chịt.

Thế rồi bất ngờ người đàn bà buông đứa trẻ ra, đi thật nhanh ra khỏi bãi xe tăng hỏng, đuổi theo lão đàn ông. Cả hai người lại trở về chiếc thuyền.

(Trích Chiếc thuyền ngoài xa, Ngữ văn 12, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr. 72 - 73)

.....Hét.....

